

được Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng ủy quyền ký.

b) Tổ chức tín dụng được cung cấp các thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng chỉ được sử dụng thông tin cho hoạt động nội bộ của tổ chức tín dụng đó.

Điều 7. Quy trình cung cấp thông tin.

1. Việc xem xét, sao chụp các dữ liệu liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng do Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc người được Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức có tài liệu đó ủy quyền quyết định.

2. Việc cung cấp thông tin phải được lập thành "Biên bản cung cấp thông tin" và tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 8. Lưu trữ và bảo quản thông tin.

Các văn bản yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng và các thông tin được cung cấp phải được lưu trữ và bảo quản theo chế độ lưu trữ, bảo quản hiện hành của Nhà nước.

Điều 9. Xử lý vi phạm.

Các tổ chức, cá nhân phải thực hiện đúng các quy định về giữ bí mật, lưu trữ, cung cấp các thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng được quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành.

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng có hoạt động ngân hàng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 71/2000/NĐ-CP ngày 23/11/2000 quy định việc kéo dài thời gian công tác của cán bộ, công chức đến độ tuổi nghỉ hưu.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ vào Điều 31 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 2 năm 1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Cán bộ, công chức quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức khi đến độ tuổi nghỉ hưu được xem xét kéo dài thêm thời gian công tác, bao gồm các đối tượng sau:

1. Những người trực tiếp làm công tác nghiên cứu ở các cơ quan của Đảng, Nhà nước được bổ nhiệm và hưởng bằng lương chuyên gia cao cấp quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức khu vực hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang;

2. Những người có học vị tiến sĩ khoa học làm việc theo đúng chuyên ngành đào tạo; những người có chức danh giáo sư, phó giáo sư đang trực tiếp nghiên cứu, giảng dạy theo đúng chuyên ngành ở các Viện, Học viện và các trường đại học;

3. Những người thực sự có tài năng được cơ quan, tổ chức, đơn vị thừa nhận, đang trực tiếp làm việc theo đúng chuyên môn thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa, nghệ thuật.

Điều 2. Điều kiện kéo dài thêm thời gian công tác của cán bộ, công chức:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức thực sự có nhu cầu;

2. Cán bộ, công chức tự nguyện và có đủ sức khỏe để làm việc.

Điều 3. Nguyên tắc xét và thực hiện kéo dài thêm thời gian công tác của cán bộ, công chức:

1. Thực hiện nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị;

2. Trong thời gian công tác kéo dài thêm, cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

3. Cán bộ, công chức có thời gian công tác kéo dài thêm nằm trong tổng số biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị do cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 4.

1. Thời gian công tác kéo dài thêm của cán bộ, công chức có thể từ 1 năm đến không quá 5 năm;

2. Hàng năm, cơ quan sử dụng cán bộ, công chức có trách nhiệm xem xét lại nhu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị và sức khỏe của cán bộ, công chức để quyết định theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tiếp tục kéo dài thêm thời gian công tác của cán bộ, công chức.

Điều 5. Thủ tục, trình tự xem xét kéo dài thêm thời gian công tác của cán bộ, công chức:

1. Tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác cán bộ, công chức có trách nhiệm xác định nhu cầu, đánh giá tài năng, sức khỏe của cán bộ, công chức sẽ kéo dài thêm thời gian công tác;

2. Có văn bản trao đổi với cán bộ, công chức sẽ kéo dài thêm thời gian công tác;

3. Cán bộ, công chức nếu đồng ý kéo dài thêm thời gian công tác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan, tổ chức, đơn vị;

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức ra quyết định kéo dài thêm thời gian công tác theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quyết định;

5. Việc xem xét kéo dài thêm thời gian công tác đối với cán bộ, công chức đến độ tuổi nghỉ hưu cần được thông báo cho cán bộ, công chức biết trước khi đến thời điểm nghỉ hưu 3 tháng;

6. Hồ sơ của cán bộ, công chức kéo dài thêm thời gian công tác và văn bản đề nghị của cơ

quan, tổ chức, đơn vị gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định phải được hoàn tất chậm nhất là 2 tháng trước khi cán bộ, công chức đến thời điểm nghỉ hưu.

Điều 6. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền theo quy chế và phân công, phân cấp quản lý cán bộ hiện hành.

Điều 7.

1. Cán bộ, công chức kéo dài thêm thời gian công tác được hưởng lương và các chế độ theo nguyên tắc: làm công việc gì thì được điều chỉnh ngạch, bậc lương và các chế độ khác theo công việc đảm nhận, trên cơ sở bảo đảm tiền lương và chế độ khác không thấp hơn tiền lương và chế độ đã hưởng trước khi thực hiện kéo dài thêm thời gian công tác.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức chịu trách nhiệm bảo đảm điều kiện làm việc, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức được kéo dài thêm thời gian công tác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 9. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 10. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1144/QĐ-TTg ngày 15/11/2000 về các biện pháp cấp bách khắc phục hậu quả lũ lụt, khôi phục, phát triển sản xuất và ổn định đời sống nhân dân vùng đồng bằng sông Cửu Long.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2000/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2000;

Xét đề nghị của các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long trong Hội nghị khắc phục hậu quả lũ lụt, khôi phục sản xuất và ổn định đời sống nhân dân tổ chức tại tỉnh Đồng Tháp ngày 10 - 11 tháng 11 năm 2000,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy ban nhân dân các tỉnh bị thiệt hại do lũ gây ra ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và các Bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp cấp bách sau đây:

1. Tập trung khôi phục, sửa chữa nhà ở, trường học, trạm xá, xử lý nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường và tổ chức tốt việc đưa dân từ nơi tránh lũ về nơi ở cũ theo tinh thần Chỉ thị số 23/2000/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Huy động lực lượng quân đội, công an, dân quân, tự vệ cơ quan, xí nghiệp, các đội thanh niên tình nguyện... tham gia giúp dân sửa chữa nhà ở, phòng chống dịch bệnh, giữ gìn an ninh trật tự.